

Bản án số: 89/2017/DS-ST
Ngày: 12-9-2017
V/v tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Luận

Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thắm, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh S, sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1986; nơi cư trú: 105A, đường Đ, ấp B, xã U, TP. T, tỉnh Bến Tre; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/6/2017); có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Th, sinh năm: 1962; nơi cư trú: ấp 1, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần H, sinh năm: 1960; nơi cư trú: ấp 1, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/6/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh S, người đại diện theo ủy quyền của chị S là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 27/10/2014, bà Th có vay của chị S số tiền 180.000.000 đồng. Việc vay tiền này bà Th có viết giấy thỏa thuận và hẹn đến ngày 27/10/2016 sẽ trả đủ cho chị S. Đến hạn, bà Th không thực hiện đúng như thỏa thuận, bà Th hứa sẽ trả cho chị S mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền vay. Chị S cũng đồng ý nhưng bà Th lại không thực hiện. Sau đó, bà Th lại hứa mỗi tháng sẽ trả 2.000.000 đồng cho chị S nhưng chị S không đồng ý.

Nay chị S yêu cầu bà Th và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị S số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/10/2014 đến ngày 14/6/2017 là: $180.000.000đ \times 1,5\% \times 31 \text{ tháng} = 83.700.000 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi mà bà Th và ông H phải trả là 263.700.000 đồng.

- *Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn là bà Huỳnh Th trình bày:*

Tháng 02/2014, bà có vay tiền của bà L là chị ruột của bà nhiều lần: lần đầu là 20.000.000 đồng, lần 2 là 50.000.000 đồng; lần 3 là 60.000.000 đồng, lần 4 là 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 180.000.000 đồng. Bà vay tiền dùng cho bà Huỳnh Thị Y ở ấp P, xã H, thành phố T để làm ăn. Đến tháng 10/2014, bà L đề nghị bà viết giấy nhận số tiền vay này đối với chị S (là con gái của bà Lan) thì bà cũng đồng ý, nên bà cũng thống nhất là có nợ của chị S số tiền là 180.000.000 đồng. Bà có trả lãi từ tháng 02/2014 đến tháng 10/2014 với mức lãi suất 6%/ tháng, sau đó 7%/ tháng đến 10%/tháng. Nay bà đồng ý trả cho chị S số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng, xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30/7/2017 (âm lịch), đến tháng 4/2018 thì bà sẽ trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông Trần H là chồng của bà, ông H không hề biết về việc bà vay tiền của chị S nhưng nếu chị S đồng ý cách thức trả tiền mà bà đưa ra thì ông H cũng thống nhất sẽ cùng bà trả tiền cho chị S, còn nếu chị S không đồng ý như vậy thì ông H không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà trả tiền cho chị S.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo thụ lý vụ án và tổ chức các phiên hòa giải nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần H (chồng bà Th) đều vắng mặt không lý do.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 22 tháng 8 năm 2017, ông H cũng vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại, ông H vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông bà Th, ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị S một lần số tiền 180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 27/10/2014 đến nay, trong đó chỉ xem xét tính lãi trong hạn là 1%/tháng.

Bà Th trình bày vẫn giữ ý kiến là đồng ý có trách nhiệm trả cho chị S số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng, nhưng xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30/7/2017 (âm lịch), đến tháng 4/2018 thì sẽ trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trước đây, bà có trả lãi nhưng đến khi kết nợ vào ngày 27/10/2014 thì bà không còn trả lãi nữa, còn tiền lãi trước đây do nguyên đơn không thừa nhận nên bà chấp nhận, không yêu cầu xem xét lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Trần H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2].Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện và nộp kèm theo chứng cứ là Giấy thỏa thuận ngày 27/10/2014 với nội dung: “bà Huỳnh Thấp 1, xã Lương Hòa có mượn của Huỳnh S số tiền là 180.000.000 đồng ngày 27/10/2014. Bà Th sẽ trả trong vòng hai năm (tới tháng 10 năm 2016 trả đủ) toàn bộ số tiền trên”. Dưới có chữ ký và đề tên “người mượn tiền” là Huỳnh Th.

Chị Huỳnh S khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Th, ông Trần H phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Th đều thừa nhận hiện nay còn thiếu chị S số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng. Ngoài ra, có thỏa thuận là vay có lãi nhưng từ tháng 10/2014 đến nay bà Th không có đóng lãi.

Căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005 việc mượn tiền trên là hợp đồng vay tài sản. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi. Khi đến hạn, chị S yêu cầu đòi nợ nhưng bà Th, ông H không trả nợ nên chị S khởi kiện đến Tòa án. Theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để buộc bà Th phải trả số tiền nợ vốn 180.000.000 đồng.

Về tiền lãi, các bên thỏa thuận với nhau thời hạn 02 năm (từ ngày 27/10/2014 âm lịch đến ngày 27/10/2016 âm lịch) sẽ hoàn trả. Như vậy, kể từ ngày 28/10/2016 thì bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nên phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ và được tính như sau:

- Lãi suất cơ bản tại thời điểm trả nợ theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 9%/năm, tương ứng 0,75%/tháng.

- Thời gian bà Th phải trả lãi kể từ ngày 28/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm được tính là: 10 tháng 15 ngày.

- Lãi trong hạn phải trả theo mức nguyên đơn yêu cầu 1% là 24 tháng x 1%/tháng x 180.000.000 đồng = 43.200.000 đồng

- Số tiền lãi quá hạn phải trả theo lãi suất cơ bản được tính là: 10 tháng 15 ngày x 180.000.000 đồng x 0,75%/tháng = 14.175.000 đồng.

Tổng cộng, tiền lãi phải trả là: 43.200.000 đồng + 14.175.000 đồng = 57.375.000 đồng.

Bà Th đồng ý trả nợ nhưng trình bày do hoàn cảnh kinh tế hiện tại đang gặp khó khăn nên yêu cầu chị S không tính lãi nợ quá hạn và cho vợ chồng bà được thanh toán theo phương thức trả dần với số tiền mỗi năm là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử buộc bà Th phải trả cho chị S số tiền là: 180.000.000 đồng + 57.375.000 đồng = 237.375.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H, chồng bà Th cũng không có một ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị S và việc vay tiền của bà Th với mục đích cho người khác vay có lợi nhuận để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông H, chồng bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng vợ.

[3].Về án phí:

Bà Th, ông H phải chịu án phí là 5% của số tiền 237.375.000 đồng, được tính là 11.868.750 đồng.

Chị S không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.592.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 305, 471, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh S đối với bà Huỳnh Th, ông Trần H về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay.

Buộc bà Huỳnh Th, ông Trần H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh S số tiền là 237.375.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), trong đó gồm: nợ gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), nợ lãi là 57.375.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của chị Huỳnh S, nếu bà Huỳnh Th, ông Trần H chưa thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả là 10%/năm trên số tiền chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Th, ông Trần H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.868.750 đồng (*Mười một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Chị Huỳnh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.592.500 đồng (*Sáu triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0011233 ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng